TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng

Ông Lê Đình Thọ

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

**** Bị đơn***: Anh Trương Văn P, sinh năm 1985

Đăng ký HKTT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trương Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 05/01/2009. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm

2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của ai, không liên lạc với nhau. Hiện nay anh P đã đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nhưng chị H không biết địa chỉ cụ thể. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn P.

- Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Trương Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2009. Hiện tại cháu Đ đang ở cùng chị H vì vậy khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày các ngày 05/12/2025 và ngày 10/12/2025 bà Phạm Thị T (là mẹ đẻ của anh Trương Văn P) trình bày: Chị Hoàng Thị H và anh Trương Văn P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 05/01/2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng 4 năm 2023, anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về. Do hai vợ chồng sống xa nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Bà T chỉ biết hiện nay anh P đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan nhưng địa chỉ cụ thể thì bà không biết. Anh P vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình với bà và người thân trong gia đình qua điện thoại. Anh P có biết chị H làm đơn ly hôn nên anh P cũng đồng ý. Việc chị H xin ly hôn anh P thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Trương Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2009. Vợ chồng chị H và anh P ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung: Chị H và anh P có tài sản hay công nợ gì chung hay không thì bà không biết. Bà T xin nhận tất cả các văn bản của Tòa án giao cho anh P và sẽ có trách nhiệm giao hoặc thông báo cho anh P biết.

Tại đơn nguyện vọng cháu Trương Tiến Đ trình bày: Cháu là con của bố P và mẹ H. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Đại diện VKSND khu vực 12 - Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Trương Văn P.

Về con chung: Công nhận anh chị có 01 con chung là cháu Trương Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2009. Giao cháu Trương Tiến Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chi Hoa không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị H và anh Trương Văn P về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh là thôn B, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú hiện nay là Đài Loan. Tại công văn số: 2799/XNC-Đ1 ngày 15/10/2025 của Phòng Q Công an tỉnh T cung cấp cho Tòa án: Anh Trương Văn P, sinh ngày10/4/1985, CCCD số 03808503570 có thông tin xuất cảnh ngày 24/4/2023 qua cửa khẩu quốc tế N bằng hộ chiếu P01815128, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2025 và ngày 10/12/2025 đối với bà Phạm Thị T (mẹ đẻ của anh Trương Văn P) xác nhận anh P đi lao động tại Đài Loan từ tháng 4 năm 2023 đến nay chưa về, vì vậy có căn cứ xác định hiện nay anh P đang ở Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh P nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các giấy tờ, văn bản của Tòa án cho người thân của anh P là bà Phạm Thị T - mẹ đẻ của anh P. Ngày 20/01/2026, Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh P vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp và tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa xét xử vụ án anh P vẫn vắng mặt không có lý do.

Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án lần thứ hai vắng mặt bị đơn anh Trương Văn P. Đối với chị Hoàng Thị H, sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trương Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau nên vợ chồng sống ly thân. Anh P đã đi lao động tại Đài Loan từ tháng 4 năm 2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh P có biết việc chị H làm đơn xin ly hôn và anh trao đổi qua với gia đình, anh cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Trương Văn P có 01 con chung là cháu Trương Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2009. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị H, anh Đ1 vẫn đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, nên cần giao cháu Trương Tiến Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Trương Văn P.

Về con chung: Giao cháu Trương Tiến Đ, sinh ngày 12/9/2009 là con chung của vợ chồng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu

tiền số: 0000773 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 12 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Ánh Tuyết